



81. Vui trăng

Tùng phình ! Các cóc ! Tùng phình !
 Tiếng lân bò nhịp rập-rình vang vang.
 Trung-thu đầy ánh trăng vàng
 Các em quần áo xênh-xang ra đường.



Khắp làng muôn sắc ngân hương.
 Đèn hoa, trắng, đỏ, xanh, hường thiếu chi.
 Tùng đoàn em họp nhau đi,
 Ca vang khúc hát tình quê nhi-đồng,
 Cầm tay nhau múa một vòng,
 Trăng thu soi đẹp đầu bằng quê em.

NGÔ TƯỜNG-ĐẠNG

Phát-âm : Phình — xênh-xang — vui trăng.

Giải-nghĩa :

Trung-thu : Tết trẻ em vào ngày rằm tháng tám, tức là giữa mùa thu.

Xênh-xang : mặc quần áo đẹp.

Muôn sắc ngân hương : nói cảnh rực-rỡ tung-bùng.

Nhi-đồng : trẻ em nhỏ tuổi.

Đại-ý :

Cuộc múa lân dưới ánh trăng thu của trẻ em ở đồng quê thật là vui tươi, nhộn-nhip.

Câu hỏi :

Y-tưởng : Tết Trung-thu vào tháng nào ?

Hôm đó ta thấy trăng thế nào ?

Các em mặc quần áo đẹp làm gì ?

Các em vừa đi vừa làm gì ?

Lời vờn : Những tiếng ở câu đầu dùng để bắt chước tiếng gì ? Tại sao gọi là « ánh trăng vàng » ? Tìm tiếng đồng-âm với tiếng « sắc » ở trong bài.

Quả trứng của Kha-Luân-Bố

Ông Kha-Luân-Bố (Christophe Colomb) là một nhà hàng-hải danh-tiếng sinh ở thành Génes nước Ý-Đại-Lợi (1451—1506) ông phục-vụ cho nước Tây-Ban-Nha. Năm 1492, Hoàng-hậu Isabelle de Castille cấp cho ông ba chiếc tàu để tìm Tân-Thế-giới. Khởi-hành từ 3 tháng tám đến 12 tháng mười thì tới đảo San Salvador (quần-đảo Lucayes) rồi các chuyến đi sau mới tới Lục-địa Mỹ-Châu.

Cuộc phát-kiến Mỹ-Châu này đã làm cho ông nổi tiếng và được nhiều người khen-ngợi. Vì thế có một vài người có tinh ghen-ghét, tỏ ý bất phục.

Người ta kể lại rằng trong một bữa tiệc mừng ông có nhiều tán-khách, bạn bè đến dự. Mọi người đều ca-tụng tài khâm-phá của ông. Có một ông khách không phục nói rằng :

— Châu Mỹ đời đời vẫn ở đấy. Nếu ông Kha-Luân-Bố không tìm thấy rồi người khác cũng tìm thấy. Có chi là khó ?

Ông Kha-Luân-Bố không nói gì. Một lát sau, trong khi vui chuyện, ông lấy một quả trứng sống và một cái đĩa không trên bàn, đổ mọi người rằng :

— Tôi đổ các ngài, ai để đừng được quả trứng này ở giữa đĩa thì tôi chịu là tài !

Mọi người đều làm thử, hết đề đề đầu lớn, lại đề đề đầu bé xuống lòng đĩa, nhưng quả trứng vẫn đề.

Ông khách « bất phục » ban nãy, cũng hăm-hở cầm lấy quả trứng đặt thử nhiều lần nhưng không được.

Ông ta tức quá nói rằng :

— Ông lại định đánh lừa chúng tôi sao ? Hai đầu quả trứng nhọn như thế, đề đừng thế nào được. Có mà thành cũng không làm được.

Ông Kha-Luân-Bố đáp :

— Thế mà đề đừng được !

Ông khách nói :

— Ông nói khoác. Thế ông làm đi !

Ông Kha-Luân-Bố thông-thả cầm quả trứng, sẽ đập đập một đầu và đề vào giữa đĩa, quả trứng đừng thẳng và vững-vàng như người gắn vào.

Ông khách đỏ mặt tia tai nói :

— Trứng là gì ! Thế thì ai chả làm được.

Ông Kha-Luân-Bố đáp :

— Thế sao ông không làm đi ? Khi người ta làm rồi thì ông bảo dễ, cũng như ông đã bảo tìm ra Châu Mỹ không khó gì !

Mọi người đều cười ồ nhìn ông khách kia đỏ mặt ngồi im.

MAI-SƠN

(Tuổi xanh)

Chú-thích.— Isabelle de Castille đọc là : Y-da-ben đơ Cát-ti ; San Salvador : Xăng Xan-va-đo ; Lucayes : Luy-cay. Génes : giê-nơ.

Đợi-ý.— Những kẻ vô-tài thường có tính gièm pha, ghen-ghét

82. Cầu vồng

1. Về buổi sáng hoặc buổi chiều, khi trời sắp mưa hay cơn mưa còn lát-phát, mặt trời ló ra, ta thường trông thấy cầu vồng hiện ra ở trên không đối-diện với mặt trời.
2. Cầu vồng là một hiện-tượng không-trung đẹp nhất. Cầu vồng giống như một dải lụa vắt ngang trời có bảy màu rực-rỡ: đỏ, da cam, vàng, xanh, lam, chàm, tím. Thân cầu cong cong ở lưng trời, còn hai chân đâm xuống đất và hình như tựa trên những cành đồng xa. Có khi cầu vồng hiện không đủ hình, người ta chỉ trông thấy một bên chân thôi, đó là móng cụt.
3. Cầu vồng sờ dĩ hiện ra là do mặt trời khi ở phía chân trời bên này soi vào một đám mây bên kia, có những giọt nước sắp rơi hay đang mưa, những giọt nước này phản-chiếu tia nắng mặt trời mà thành ra. Ta nhìn thấy cầu vồng khi ta quay lưng về mặt trời, nghĩa là ta đứng giữa, đằng trước ta là đám mây, sau ta là mặt trời.

Đám mây ở trên trút hết nước hoặc bị gió cuốn đi nơi khác rất nhanh, cho nên cầu vồng chỉ hiện ra trong khoảnh-khắc mà thôi.

XUAN-MAI

Phát âm : Cụt — giọt — giữa — giữa — khoảnh-khắc.

Giải-nghĩa : Lát-phát : lơ-thơ mây hạt mưa nhẹ.

Hiện-tượng : trạng-thái lạ bày ra trước mắt.

Phản-chiếu : (phản = trái, chiếu = soi) soi hắt lại.

Trút : đổ xuống.

Khoảnh-khắc : chốc lát.

Phân đoạn :

- 1.— Cầu vồng thường hiện ra lúc sắp mưa hay còn mưa lát-phát
- 2.— Hình dáng và màu sắc của cầu vồng.
- 3.— Nguyên do sinh ra cầu vồng.

Đại-ý :

Cầu vồng là một hiện-tượng không-trung rất đẹp, do những giọt nước mưa phản-chiếu tia nắng mặt trời thành ra.

Câu hỏi : Ý-tưởng.— Ta thường thấy cầu vồng mọc lúc nào ? Cầu vồng giống như cái gì ? Cầu vồng có mấy màu ?

Là những màu gì ?
Khi nào có móng cụt ?
Tại sao sinh ra cầu vồng ?

Lời văn.— « Ló ra » nghĩa là gì ? Tiếng gì đồng-nghĩa với « tựa » trong câu « tựa trên cánh đồng » ? Phản-nghĩa với « cong cong » là gì ? « Trút hết nước » nghĩa là gì ?



83. Xuân tới

1. Mùa đông đã qua, một mùa đông rét mướt và âm, dai-dẳng mãi như không bao giờ dứt.

Rồi mùa xuân đột-ngột tới. Một mùa xuân sáng-sủa, ấm-áp, đem nhựa non đến cho cỏ cây, đem tươi trẻ, ham muốn lại cho lòng người.

2. Đêm hôm trước, còn mưa sập-sùi, gió hiu-hiu lạnh. Sáng hôm sau đã tạnh-ráo, quang-đăng. Ánh sáng trong từ vòm trời xanh tỏa xuống. Làn không-khi dịu-dàng bao phủ, ôm ấp vạn-vật. Người ta có cảm-tưởng sưởi ấm lòng, và máu nóng từ tim man-mác bốc lên đầu. Và người ta say-sưa êm-ái. Cảnh đương có cảm-tưởng ấy. Chẳng đứng tựa cửa sổ ngắm - nghĩa những búp tơ, những nõn vàng mẫm-mẫm đương mọc, và nghe tiếng



nhựa chảy trong huyết-quản khắp người chàng. Những cây sưa màu xanh non xòe ra như bàn tay mỹ-nữ, bên cạnh hàng chùm tơ mơn-mỡn mà những trận mưa đóng-dã mấy hôm nay đã rửa sạch bụi.

3. Tất cả cái gì cũng mới, cũng tươi, cũng đẹp như đề sưa-soạn đón tiếp một ý-tưởng, một nguyên-vọng, vừa nảy-nở và đương bay liệng trong không-gian ngậy-ngát hương hoa men nhựa.

KHAI-HƯNG

(Bản-khoản)

Phát âm : Sập-sùi — man-mác — xòe — bụi.

Giải nghĩa : Đột-ngột : thỉnh linh, bất thần xảy đến.

Búp tơ : búp non.

Huyết-quản : mạch máu.

Mỹ-nữ : người con gái đẹp.

Men nhựa : (men = chất dùng để làm rượu) đây là mùi hăng nồng của nhựa cây làm cho người ta ngây-ngất say-sưa.

Phân đoạn :

1. — Mùa xuân tươi đẹp tới.

2. — Cảm-giác dịu-dàng trước cảnh-vật lúc đầu xuân.

3. — Mùa xuân đem hy-vọng đến cho lòng người.

Đại-ý :

Mùa xuân sáng-sủa, ấm-áp, đem nhựa non đến cho cỏ cây, đem tươi trẻ, ham muốn lại cho lòng người.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Mùa xuân tới đem gì đến cho cỏ cây ? Cảnh trời thế nào ? Cảnh có cảm-tưởng gì khi chàng ngắm nhìn những búp tơ non mẫm-mẫm ? Nhìn những cây sưa, người ta thấy giống cái gì ? Tất cả cảnh-vật ở chung quanh người ta có vẻ thế nào ?

Lời văn : « Mưa dai-dẳng như không bao giờ dứt » gọi là mưa gì ? Tim những câu tả cảnh trời về mùa xuân ở đoạn hai. « Nhựa chảy trong huyết-quản », « nhựa » đây là gì ? Thờ đồ uống gì hay làm cho người ta « ngây-ngất » hoặc « say-sưa ».

84. Đi hái lộc

Năm năm, cứ đến giao-thừa,
Em theo mẹ hái lộc chùa làng Trung.
Gần xa pháo nổ tạch đùng,
Đường thôn loang-loáng mấy vùng nước non.
Người đi bóng sè đong đưa,
Chúng em vừa bước lại vừa reo vang.
Các bà im-lặng, nghiêm-trang,
Run-run khi ngọn gió ngàn rung sương.
Lưng trời sao chắm lửa hương,
Phương đông mấy sợi mây hồng mong-mạnh.
Đêm còn làn-quất bao quanh,
Ngày lên đem ước-mộng xanh dâng đời.

T. T. THÙY-HOÀ

Phát-âm : Loang-loáng — nghiêm-trang — làn-quất.

Giải-nghĩa : Giao-thừa : giữa lúc năm cũ qua, năm mới tới.

Nghiêm-trang : có vẻ đứng-dắn và kính-trọng.

Gió ngàn : gió rừng núi.

Làn-quất : ẩn núp ở chung quanh.

Ước-mộng xuân : lòng ước-mong tuổi trẻ.

Đại-ý :

Lúc giao-thừa, mọi người đi hái lộc, đều mong-ước xuân sang đem lại hạnh-phúc cho muôn nhà.

Câu hỏi :

Ý-tưởng. — Người ta đi hái lộc vào lúc nào ?

Lúc giao-thừa các em nghe thấy tiếng gì ?

Tại sao lúc hái lộc, tay các bà lại run-run ?

Năm mới đem lại ước-mộng gì cho đời ?

Lời văn. — Tiếng gì tả tiếng pháo kêu ?

Tim hai tiếng ở đoạn giữa tả lòng các em vui thích ?

Phân-nghĩa với « mong-mạnh » là gì ?



85. Nắng miền Nam

1. Nhận xét đầu tiên của một người mới tới Sài-gòn là nắng. Nắng chói nắng chang. Nắng se ngọn cỏ, nắng rám da người.
2. Nam-Việt không có mùa rét. Ở đây quanh năm chỉ có nắng ! Nắng và nóng !

Nhưng không phải cái nóng hằm-hập oi-nóng ngoài Bắc. Nóng, nhưng vẫn có làn gió lạnh hiu hiu từ biển bốc ra hơn là ở ngoài không-khí. Và từ năm, sáu giờ chiều trở đi, thời-tiết dịu-dàng dễ chịu. Nửa đêm về sáng thường khi phải đắp chăn đơn.



3. Như trên đã nói, Nam-Việt không có mùa rét, nhưng có mùa mưa lai-rai suốt sáu tháng. Mưa ở đây khác hẳn ngoài Bắc. Những trận mưa ngắn-ngủi làm sao ! Áo-ào đấy, rồi tạnh ngay. Nắng lại chói-chang như thường. Không gì bức mình bằng đi đâu cứ phải kê-kè chiếc áo to, để chỉ được dùng trong chốc lát !

BANG BA-LAN

Phát âm : Làn — dịu-dàng — chơn.

Giải nghĩa : Chối-chang : sáng lóa mắt.

Rám : làm xám đen.

Chăn đơn : chăn có một làn vải, chăn mỏng.

Lai-rai : ít một và kéo dài ra không dứt.

Kê-kè : kèm bên cạnh mình làm cho bận-bịu, khó chịu.

Áo to : thứ áo khoác ngoài kết bằng lá gồi để che mưa ; đây là áo đi mưa.

Phân đoạn :

1.— Cái nắng ở miền Nam.

2.— Cái nóng ở miền Nam.

3.— Mùa mưa ở miền Nam.

Đại-ý :

Thời-tiết miền Nam, nóng và nóng nhiều ; chiều và đêm có gió mát, mưa to nhưng chóng tạnh.

Câu hỏi :

Ý-tưởng.— Mọi người mới tới Sài-gòn lần đầu tiên nhận xét tháy thế nào ?

Nắng ở Sài-gòn như thế nào ?

Nắng ở miền Nam khác nắng ở miền Bắc thế nào ?

Mùa mưa ở miền Nam có gì đặc-biệt ?

Lời văn : Ở đoạn đầu, bốn tiếng nắng đã tả được gì ?

Nắng và nóng, nghĩa nó khác nhau thế nào ?

Tiếng hiu-hiu tả gió thời thế nào ?

Tiếng áo-ào tả mưa đổ xuống thế nào ?

86. Gió lạnh đầu mùa

1. Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột-nhiên đến không báo cho biết trước. Vừa mới ngày hôm qua, trời hãy còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt-nẻ đất ruộng và làm khô những chiếc lá rơi. Sơn chơi cò gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức chảy mồ-hôi.

2. Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi ra gió bắc, rồi cái lạnh ở đầu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt: Sơn tung pha nước trà uống. Sơn nhận thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.



3. Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi-vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lán những cái lá khô lạo-xạo. Trời không u-âm, toàn một màu trắng đục, những cây lan trong chậu, lá rung-động và hình như sắt lại vì rét.

THẠCH-LAM

(Gió đầu mùa)

Phát âm : Báo — bóc — tinh — lán.

Giải nghĩa : Hanh : khô (nói về khí trời).

Nứt-nẻ : đây nói đất khô lại và tách ra thành khe nhỏ.

Hóa-lò : lò làm bằng đất để đun nấu.

Màn bụi : đám cát bụi bay lên như một bức màn lớn bao-phủ.

Sắt lại : se lại, quắt lại.

Phân đoạn :

1.— Mùa đông đột-ngột đến.

2.— Mọi người thấy rét.

3.— Cảnh-vật tiêu-diêu.

Đặt ý :

Mùa đông đột-ngột đến làm cho người ta cảm thấy rét mướt và cảnh-vật bỗng trở nên tiêu-diêu.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Cái nắng về cuối tháng mười thế nào ? Nắng hanh làm cho đất ruộng thế nào ? Qua một đêm mưa rào, người ta thấy thối-tiệt thế nào ? Sơn thực đày thấy mọi người làm gì ? Nhìn ra sân, Sơn thấy gió thế nào ? Lá cây lan thế nào ? Bầu trời thế nào ?

Lời văn. — Tìm những tiếng đồng-nghĩa với « đột-nhiên ». « Nắng hanh » là nắng thế nào ? Những câu nào ở đoạn giữa được dùng để tả cảnh trời rét ? Phân-nghĩa với « u-âm » là gì ? Tìm tiếng đồng-nghĩa với « sắt » ở câu cuối.

87. Nắng thanh-bình

Em ơi, dậy đón bình-minh !

Nắng hồng tô-điểm tím tình yêu-thương.

Đông què ngấp ánh triêu-dương,

Trời giăng màn mới, nước non thanh-bình.

A ha ! Ánh sáng bình-minh,

Trái trên hoa cỏ đẹp tình quê-hương.

Nắng về lộng-lẫy ngàn phương,

Nắng đi nhẹ nhẹ trên đường thôn-trang.

Nắng gieo sức sống huy-hoàng,

Quê-hương đất nước chẳng còn thương đau.

Nắng lên tan hết u-sầu,

Nắng lên sông núi đẹp màu nước non.

NHAN-ĐA

Phát âm : Triêu-dương — giăng — màn.

Giải nghĩa : Bình-minh : sáng sớm.

Tô-điểm : làm cho đẹp.

Triêu-dương : mặt trời buổi sáng.

Huy-hoàng : rực-rỡ.

U-sầu : buồn-bã.

Đại-ý :

Nắng thanh-bình tô-điểm cho cảnh nước non tươi đẹp
và làm mọi người hết đau thương.

Câu hỏi :

Ý-thưởng. — Cái gì tô-điểm cho tâm tình
yêu-thương ?

Ảnh triêu-dương tràn ngập những
nơi nào ?

Nắng làm cho sức sống thế nào ?

Nắng làm cho tan hết những gì ?

Lời văn. — Tiếng « ngập » trong bài
tả nhiều hay ít ?

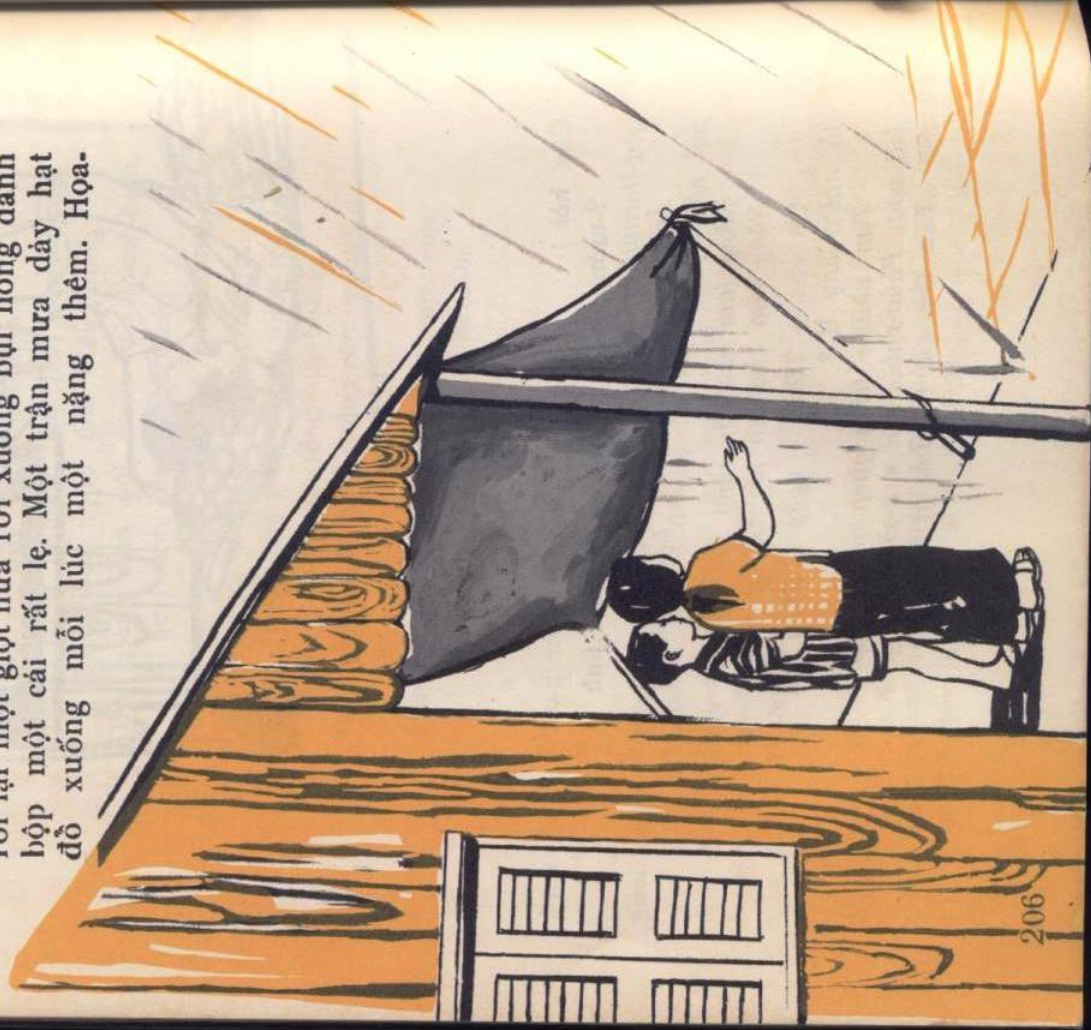
Tìm những tiếng ghép lá vẻ đẹp ở
bài này. Phân-nghĩa với « u-sầu » là gì ?

Câu thơ hai tả cảnh gì ?



88. Trời mưa

1. Máy cày lúc cày thấp. Cảnh tịch-mịch lại càng tịch-mịch thêm. Không-khi thơm ngát lại thơm ngát thêm, yên lặng thêm.
2. Bỗng một giọt nước rơi xuống rồi hình như lại bắn vọt lên cái bạt che sán. Một giọt nước khác rơi xuống một tảng đá dưới lối đi, rồi lại một giọt nữa rơi xuống bụi hồng đánh bộp một cái rất lạ. Một trận mưa mưa dày hạt đồ xuống mỗi lúc một nặng thêm. Họa-



mi và ếch-ương bỗng im bật. Chỉ có tiếng nước chảy, tuy bị mưa rơi làm cho nghe như xa đi, nhưng vẫn còn như vương ở trên không. Và một con chim chắt ần-nấp ở đầu đây, dưới những cánh lá khô hót lên hai tiếng đều đều tề ngát.

3. Máy ở trên đầu chúng tôi tan đi, tiếng nước lura-thura rơi ở trên cánh lá cây rì xuống. Tiếng ếch-ương kêu lại bắt đầu nổi lên, chim họa-mi lại bắt đầu bay nhầy, gọi nhau từ bụi này sang bụi khác. Mọi vật lại tung-bùng trước mắt chúng tôi.

BAO-SUN dịch

Phát âm : Tịch-mịch — bọt — ếch-ương.

Giải nghĩa : Tịch-mịch : lặng-lẽ không có tiếng động.

Cái bọt : mảnh vải dày không thấm nước, dùng căng ra để che mưa nắng.

Vương : rơi ra, còn sót lại.

Tề-ngát : buồn thiu.

Rì : rơi từng giọt xuống.

Phân đoạn :

1.— Cảnh tịch-mịch trước khi mưa.

2.— Cảnh-vật buồn tề trong cơn mưa.

3.— Cảnh tung-bùng sau khi mưa tạnh.

Đại-ý : Cảnh-vật buồn tề trong cơn mưa trở lại tung-bùng, tươi sáng sau khi mưa tạnh.

Câu hỏi : Ỗ-tương.— Trước khi trời đổ mưa người ta thấy gì ? Lúc đầu mưa thế nào ? Rồi sau mưa thế nào ? Người ta chỉ nghe thấy tiếng gì ? Sau cơn mưa người ta lại nghe thấy tiếng những con vật gì ?

Lời văn — « Tịch-mịch » nghĩa là gì ? Tìm trong bài tiếng đồng-ngĩa với tịch-mịch. « Mưa rơi xuống » và « mưa đồ xuống » có đồng-ngĩa không ? Tại sao ? Tìm trong bài tiếng phản-ngĩa với « nổi lên », với « tung-bùng ».

89. Bão

1. Buổi chiều hôm ấy không - khi nặng-nề như ngấm hơi nước. Trời tối sẫm. Những đám mây đen trông gần ta hơn. Gió trước còn hiu-hiu mát-mẻ, sau bỗng ào-ào kéo đến đến như tiếng thác chảy nghe tận đằng xa.
2. Đến nửa đêm thì bốn phương trời đều như có gió thổi lên, hợp thành một luồng mạnh gồm ghè. Thịnh-thoảng, luồng đông-nam gặp luồng tây-bắc đập vào nhau rồi quay cuồng vật-lộn như giận-dữ, như hò reo ; một lúc lại tan đi như mưa đang to bỗng tạnh.



Gió lại im như trốn đầu mắt. Rồi đột-nhiên lại âm-âm kéo đến rất mau, chốc chốc lại rít lên từng tiếng ghê sợ trên các ngọn cây. Những hạt mưa nặng trĩu cũng rào rào đập vào mái ngói, vào lá cau như sóng vỗ. Vạn-vật đều như sụp đổ dưới cơn bão loạn-cuồng.

3. Mãi đến sáng hôm sau, bão mới ngớt. Chi mở cửa trông ra sân thấy một cảnh-tượng tang-thương bày ra trước mắt. Cây nào cây nấy cành lá xác-xơ, lá rụng đầy đường. Nhìn cảnh -vật tan-nát, Chi ngậm-ngùi : « Đây, mới có một đêm mưa bão ! »

HÀN THẾ-DU

(Bóng mây chiều)

Phát âm : Thác — luồng — rít — xác-xơ.

Giải nghĩa : Thác : chỗ giữa dòng sông có đá mọc và nước chảy dốc xuống.

Vạn-vật : muôn vật.

Loạn-cuồng : lộn-xộn, điên-cuồng.

Tang-thương : (tang = cây dâu ; thương = làn nước mềm mỏng, bãi dâu biến thành biển xanh) nói biến đổi nhanh-chóng, đang tươi-tốt bỗng thành xác-xác.

Ngậm-ngùi : buồn rầu, thương tiếc.

Phân đoạn :

1. — Cảnh-vật trước khi có bão.
2. — Cảnh-vật trong khi trận bão hoành-hành.
3. — Sự tàn phá của trận bão.

Đại-y :

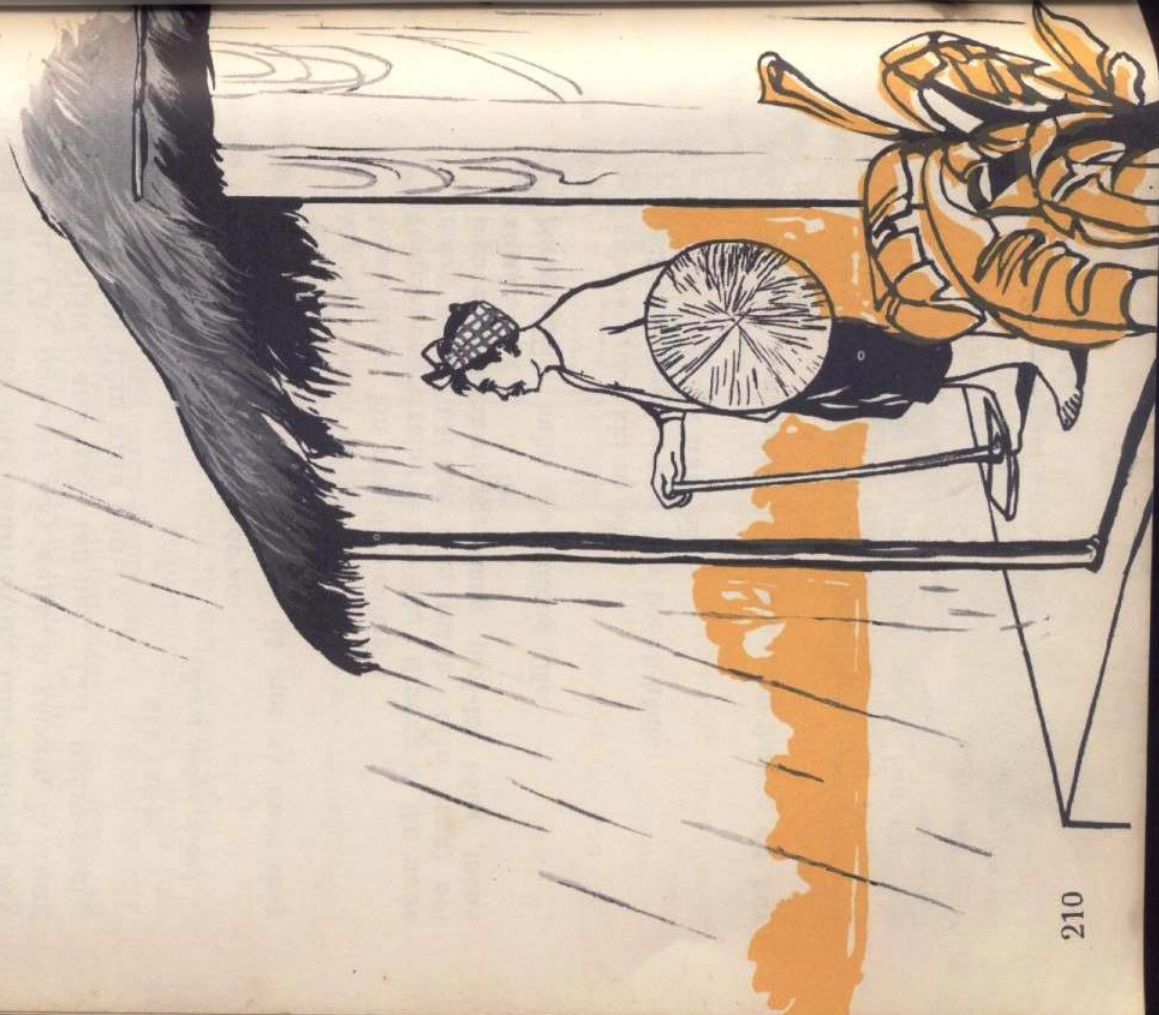
Sau trận bão loạn-cuồng, một cánh tang-thương đã bày ra trước mắt.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Buổi chiều hôm ấy có bão, không-khi thế nào ? Gió thổi thế nào ? Tiếng mưa ào-ào rơi giống tiếng gì ? Dưới cơn mưa bão, vạn-vật trở thành thế nào ? Sau cơn bão người ta thấy cảnh-tượng thế nào ?

Lời văn. — « Như ngậm hơi nước » ý nói không-khi thế nào ? Những tiếng nào tả sức mạnh của gió ở đoạn 2 ? Phân-nghĩa với « xác-xác » là gì ? « Ngậm-ngùi » nghĩa là gì ? « Tạnh » và « ngớt » nghĩa khác nhau thế nào ?

90. Mưa

Mưa không ngớt ào ào như thác đổ;
Gió ngàn phương lạnh buốt thổi về đây.
Cây chuyển mình xơ-xác lá vàng bay,
Đông khô nẻ bống trở thành đất tốt.



Khoai, bắp, đậu, lúa mì xanh bát-ngát.
Giọt mưa lành chan-chứa một niềm tin.
Bác nông-dân hớn-hở đứng bên thềm,
Cười sung-sướng đợi ngày mai thắng-lợi.
Suốt năm dài đem bàn tay bón xới,
Rất hoa-màu trên mảnh đất thân-yêu.
Mưa giúp ta thâu lượm trái bông nhiều,
Thêm sinh-lực xây cao đời sống mới.

DUY-SIÊNG

Phát âm : Thác — chuyển — bay — chan-chứa.

Giải nghĩa : Thác : chỗ giữa giòng sông có đá mọc và nước chảy xuống rất mạnh.

Bát-ngát : rộng menh-mông.

Nông-dân : người làm ruộng.

Thắng-lợi : được phần lời.

Sinh-lực : sức sống.

Đợi-ý :

Nhờ có trận mưa lớn, nhà nông thu được nhiều hoa-lợi, giúp cho đời sống được đầy đủ hơn.

Câu hỏi : Ý-tưởng : Người ta vì trận mưa lớn như gì ? Sau trận mưa cảnh đồng ruộng thế nào ? Ai sung-sướng nhất vì trận mưa này ? Trận mưa đã giúp ta những gì ?

Lời văn : Tìm một câu tả trận mưa lớn ở đoạn đầu. Tiếng đồng-nghĩa với « bát-ngát » là gì ? Tìm mấy tiếng ghép có tiếng « nông » như « nông-dân ». Tìm tiếng đồng-nghĩa thay cho tiếng « trái bông » ở đoạn cuối.

Bá-tước Đại-Ngôn

Tôi vốn là tay thiện-xạ, coi đó chẳng cần nói hay, ai cũng biết. Một hôm, ở nước Thồ, tôi đi săn trong một khu rừng, vừa lần-lượt bắn chết năm con gấu lớn và một con gấu con, hết cả đạn, tôi đang lo nếu gặp thú dữ nữa thì làm thế nào? Thực là linh thần-khẩu, một con chó sói trong bụi nhảy xổ ra, sẵn lại phía tôi, mồm há hốc! Lê tất nhiên là tôi thọc thẳng cánh tay vào miệng nó. Đó là một « miếng võ » dùng khi khăn-cấp mà tôi mới học lỏm được, nay nhân tiện đem hiển qui-vị. Ta cứ thế luồn tay vào trong mình nó cho đến khi tay ta thò ra đằng sau, lúc ấy nắm chặt lấy khẩu đười giật lại thật lực, chỉ trong một phút 17 giây (đồng-hồ cầm sẵn trong tay) con ác-thú liền bị lộn ruột ra ngoài, da vào trong như ta lộn chiếc bit-tất tay, chẳng khó khăn gì.

Nói thế, chắc có người hỏi vặn tôi rằng : « Làm như thế không sợ chó sói cắn mất mạng à? »

Tôi xin trả lời rằng : « Có », nhưng nó chỉ cắn có vài răng vào cái tay áo khoác của tôi thôi. Ấy vì con vật ấy điên, nên mới sinh chuyện. Thằng nhỏ theo hầu tôi đem xếp cái áo bị thương cùng « bọn áo » khác. Lúc đầu chẳng thấy gì, đem hôm sau sau thẳng bé mặt tai mét chạy vào gọi tôi :

— Bầm ngải, cái áo khoác của ngải hóa đại!

Câu chuyện có thể tin được, nên tôi lập tức xuống điều-tra : Ở mặc áo có tiếng động rầm rầm. Cái áo khoác bằng lông cừu của tôi đang chồm sang các bạn nó và ngoạm vào cái « áo trao » của tôi cùng mấy cái « gi-lê » nữa.

Lập tức tôi lấy súng bắn tan cái áo điên ấy và bắt người nhà đem xác nó chôn sâu hai thước rưỡi tây cho khỏi truyền-nhiễm. Còn những áo bị thương liền đem điều-trị lại nhà một người « thợ may thú-y », mà người Thồ quen gọi là : « Bát-tò rê-sếp ». Các áo khoác đều qua khỏi cả duy có cái « gi-lê » bằng « sa-tanh » thêu là chết yểu.

Một hôm, sau khi kể chuyện mạo-hiêm này cho người bà con nhà vợ nghe, Bá-tước hỏi khách rằng :

— Những chuyện của tôi vừa kể nghe có hay, có lạ không ?

Người kia trả lời :

— Hay thì hay thật ! Lạ thì lạ thật ! Nhưng Bá-tước dễ thương không biết Chinh - phủ định bỏ tù những anh « nói khoác nhất nước » à ?

— Làm quái gì những cái vật ấy ! Đằng sau nhà tôi có một cái hầm bí-mật xuyên qua trái đất sang mặt bên kia. Thế thì tóm được Bá - tước Đại - Ngôn này cùng còn mệt.

HA-MAI-ANH thuật

Đợi-ý.— Đi xa về, tha-bỏ nói khoác.

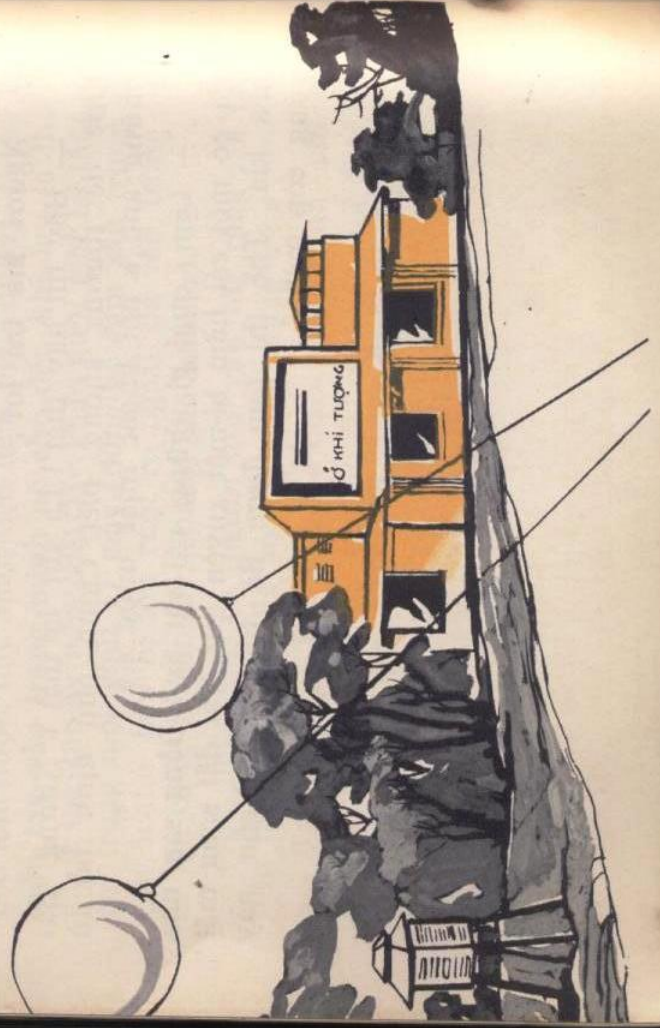
91. Sờ Khí-tượng

1. Thời-tiết có quan-hệ đến sinh-hoạt của con người và ảnh-hưởng trực-tiếp đến các việc canh-nông, giao-thông, hàng-không và hàng-hải. Vì thế, người ta cần biết trước để đề-phòng những thời-tiết xấu.

2. Thường thường quốc-gia nào cũng có sở Khí-tượng để nghiên-cứu khi-hậu và quan-trắc các hiện-tượng trong không-khí. Công việc này rất phức-tạp. Vào những giờ nhất-định trong ngày, người ta phải quan-sát các loại mây, ghi chép những hiện-tượng sương mù, mưa, dông nếu có.

Người ta còn đo nhiệt-độ khi-áp, âm-độ, đo sức gió, độ nước mưa, vân vân...

Những tin-tức Khí-tượng được trao-đổi bằng mã-hiệu giữa các quốc-gia hội-viên trong tổ-chức Khí-tượng Hoàn-cầu.



Nhờ những tài-liệu trong nước và ngoài nước, người ta nghiên-cứu sự tiến-triển của tình-trạng trong những ngày vừa qua để tiên-đoán thời-tiết cho ngày hôm sau.

3. Hàng ngày ta được nghe những tin thời-tiết qua đài Phát-thanh Sài-gòn là do nha Khí-tượng loan-báo.

NHƯ - TUYẾT

Phát âm : Tiết --- hải --- Sài-gòn

Giải nghĩa : Khí-tượng : những hiện-tượng sinh ra trong không-khí như nóng lạnh, gió mưa, dông bão, v.v....

Quan-hệ : đình-dáng, mặc-miu với.

Ảnh-hưởng : (ảnh = hình, bóng ; hường = tiếng vang) có liên-quan đến.

Quan-trắc : xem xét và đo lường.

Khí-áp : sức ép của không-khí.

Âm-độ : mức ẩm-ướt của không-khí.

Mã-hiệu : dấu-hiệu riêng thay cho chữ.

Phân đoạn :

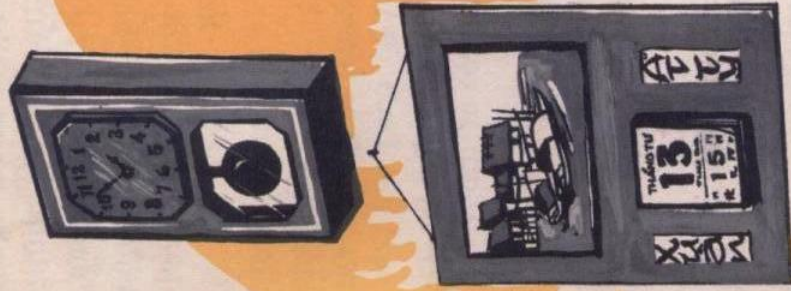
1. — Ảnh-hưởng của thời-tiết đối với sự sinh-hoạt của con người.
2. — Công việc và ích-lợi của sở Khí-tượng.
3. — Tin-tức khí-tượng được loan báo khắp nơi.

Đại - ý :

Công việc của sở Khí-tượng là nghiên-cứu khí-hậu, ghi chép hiện-tượng và tiên-đoán thời-tiết để loan-báo cho dân chúng biết.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Người ta cần biết trước thời-tiết để làm gì ? Sở nào nghiên-cứu về thời-tiết và quan-sát các hiện-tượng trong không-khí ? Sở này phải làm những việc gì ? Ở nước ta những tin thời-tiết được loan-báo bằng cách nào ?

Lời văn. — Phân-ngĩa với « trực-tiếp » là gì ? Thế nào là « giờ nhất định » trong một ngày ? « Sương mù » và « giọt sương » khác nhau như thế nào ? Tìm mấy tiếng ghép với tiếng « tiên » như « tiên-triền ». « Tiên-đoán » nghĩa là gì ?



92. Lịch và đồng hồ

1. Thời xưa, chưa có lịch, người ta biết mặt trời mọc là ban ngày, nhìn trăng tròn mà tính tháng. Người ta xem cây-cỏ khi nảy lộc, lúc ra hoa, khi kết quả, lúc rụng lá mà nghiệm ra các mùa. Vì các mùa luân-chuyển theo một chu-kỳ nhất định nên người ta biết đó là một năm.

Sau loài người tiến-hóa dần, người ta cần cứ vào trăng, vào sao và mặt trời mà làm ra lịch.

2. Thấy ngày tháng thắm-thoát trời qua, người xưa cũng biết thời giờ là qui. Người ta đóng cọc ở sân đo bóng mặt trời để biết giờ-giắc làm ăn. Người ta còn chế ra những bầu nước rõ từng giọt, thấy nước cạn nhiều diết là giờ đã muộn hoặc đêm đã khuya. Cũng có nơi người ta dùng bình đựng cát trở đầy cho cát chảy xuống rất chậm để tính thời-khắc.

3. Ngày nay, chúng ta sung-sướng hơn người xưa nhiều. Chúng ta có âm-lịch, dương-lịch ghi ngày tháng

rất chính-xác và đủ các loại đồng-hồ chỉ đúng từng phút từng giây, rất tiện-lợi cho đời sống hàng ngày của chúng ta.

THỂ . VIỆT

Phát âm : Tiến-hóa — kết-quả — giờ-giắc.

Giải nghĩa : Nghiệm : suy-ngẫm ra.

Chu-kỳ : trọn một vòng.

Tiến-hóa : mỗi ngày mỗi sửa đổi mà hơn lên; tiến-bộ.

Thắm-thoát : nói thời giờ đi mau.

Thời-khắc : (thời là giờ, khắc là một phần tư của giờ) giờ và khắc.

Phân đoạn :

1.— Cách tính ngày tháng của người xưa đến việc làm lịch ngày nay.

2.— Cách tính thời-khắc của người xưa.

3.— Sự tiện-lợi của lịch và đồng-hồ ngày nay.

Đại-ý :

Ngày xưa, việc tính ngày tháng và đo thời-khắc không được chính-xác như ngày nay vì chúng ta có đủ âm-lịch, dương-lịch và các loại đồng-hồ rất tiện-lợi.

Câu hỏi : ?-trường : Thời xưa, người ta làm thế nào để biết ngày tháng ?

Về sau người ta cần-cứ vào gì để làm ra lịch ?

Trước khi có đồng-hồ, người ta làm thế nào để biết giờ-giắc trong ngày ?

Ngày nay ta có những dụng-cụ gì để biết ngày tháng, giờ-giắc một cách chính-xác ?

Lời văn : « Này lộc » là gì ?

« Bình cát trở đầy » là bình cát thế nào ?

Phân-nghĩa với « khuya » là gì ?

Tìm một thành-ngữ hay ca-dao nói về thời-giờ đi nhanh.



93. Nghĩa đồng-bào

Núi kia ai đắp nên cao ?

Sông kia biên nọ ai đào mà sâu ?

Từ Nam-quan đến Cà-mau,

Non-sông gấm-vóc, nghèo giàu của chung.

Chúng ta dù Bắc, Nam, Trung,

Cùng nói giống Việt ta cùng thương nhau.

Cát vàng bồi đắp còn cao

Tình dân-tộc, nghĩa đồng-bào thiết-tha.

Cùng nhau chung một màu da,

Một dòng máu đỏ, một nhà Lạc-Long.

Chúng ta là giống Tiên-Rồng.

Đừng quên rằng «Bắc, Nam, Trung một nhà».

Theo TỰ-LẬP

Phát âm : Bào - mau - cao - nhau.

Giải nghĩa : Gấm-vóc : ý nói non sông nước ta đẹp như gấm như vóc.

Cồn : những gò cao nổi lên ở bãi biển do gió cuốn cát mà tạo thành.

Đồng-bào : (đồng = cùng, bào = một bọc) anh em cùng một cha mẹ sinh ra ; nghĩa rộng người trong một nước và cùng chung một giống.

Lạc-Long : tên hiệu vua thứ hai họ Hồng-bàng, tức là con vua Kinh-dương-vương, vua đầu tiên sáng lập ra nước ta.

Tiên-Rồng : tiên và rồng. Tục truyền người nước ta là con cháu vua Lạc-long-quân (giống Rồng) và bà Âu-cơ (dòng dõi Tiên) nên gọi là nòi giống «tiên long» hay «con rồng cháu tiên».

Đại-ý :

Dù là người Bắc, Nam hay Trung chúng ta là cùng một ông Tổ sinh ra, cùng giống Tiên - Rồng, chúng ta phải thương yêu, đùm bọc lấy nhau.

Câu hỏi : Ý - tưởng : Nước Việt-Nam dài từ đâu đến đâu ?

Non-sông chúng ta đẹp như thế nào ?

Nước ta chia làm mấy phần ?

Chúng ta thuộc nòi giống gì ?

Tại sao người trong một nước phải thương yêu nhau ?

Lời văn : Tình thương-yêu của những người một nước đối với nhau gọi là tình gì ?

Phân-nghĩa với « đồng-bào » là gì ?

« Màu da » nói trong bài trở màu da gì ?

« Bắc, Trung, Nam một nhà » nghĩa là gì ?



94. Lịch cổ của người Chăm

1. Mỗi dân-tộc có một lối tính ngày tháng riêng. Người Chăm cũng vậy, bằng những kinh-nghiệm cổ-truyền họ đã tự tìm ra những phương-pháp nhận biết ngày tháng.
2. Lịch cổ Chăm tính tháng theo mặt trăng. Mặt trăng quay chung quanh quả đất trong một tháng. Khi bắt đầu có trăng là mừng một và khi tắt trăng là cuối tháng. Cứ tháng lẻ có đủ 30 ngày, còn tháng chẵn chỉ có 29 ngày thôi. Riêng tháng 12 thì cách vài năm lại có tháng đủ 30 ngày gọi là tháng nhuận.
3. Năm Chăm tính theo sao Rùa và sao Cây. Theo kinh-nghiệm từ xưa thì bao giờ sao Rùa cũng phải nở vào cuối tháng hai Chăm. Bởi thế, nên mỗi khi thấy đến cuối giêng rồi mà sao Rùa hầy còn cao, nghĩa là không thể nở

kip vào cuối tháng Hai, thì họ gọi ngay tháng Giêng ấy là « tháng mới » và coi như một tháng thừa của năm trước. Năm có 13 tháng ấy gọi là năm nhuận. Nếu gặp ngày u-âm, mưa bão, không xem được sao Rùa thì người ta xem sao Cây, nở sau sao Rùa một tháng.

NGUYỄN KHÁC - NGŨ
(Tiểu-học nguyệt-san)

Phát âm : Kinh-nghiệm — phương-pháp — chẵn — nhuận.

Giải nghĩa : Kinh-nghiệm : đã trải qua và suy ngẫm nhiều rồi.

Cổ-truyền : từ đời xưa trao mãi cho đến bây giờ.

Tháng lẻ : tháng 1, 3, 5, 7, 9, 11.

Tháng chẵn : tháng 2, 4, 6, 8, 10, 12.

Nhuận : dư, thừa ra.

Sao Rùa : một chòm sao liền nhau trông như cái tua, cái dải, còn gọi là sao Tua-rùa.

Phân đoạn :

1. — Mỗi dân-tộc có một lối tính ngày tháng riêng.

2. — Cách tính tháng của người Chăm.

3. — Cách tính năm của người Chăm.

Đại-ý :

Người Chăm tính tháng theo mặt trăng và tính năm theo sao Rùa và sao Cây.

Câu hỏi : Ý-tưởng. — Lịch cổ Chăm tính theo gì ? Tháng nhuận là tháng gì ? Khi nào thì người Chăm coi tháng giêng là tháng thừa của năm trước ? Không có sao Rùa thì người Chăm xem sao gì ? Trừ « sao Rùa » và « sao Cây » kể tên một vài ngôi sao khác mà em biết.

Lời văn. — Tìm mấy tiếng ghép với tiếng « cổ » như « cổ-truyền ». « Tắt trăng » nghĩa là gì ? Người ta thường nói cái gì « tắt » ? « Sao nở » nghĩa là gì ? Thay tiếng « nở » bằng tiếng đồng-ngĩa.





95. Biết quý thời-giờ

1. Con ơi! Thời-giờ đi nhanh lắm, thắm-thoát như thoi đưa, thoáng qua như bóng ngựa. Thời-giờ lảng-lặng trôi như nước chảy qua cầu, không bao giờ trở lại nữa. Nếu ngày hôm nay con không học bài, con sẽ đến ngày mai, thì con đã bỏ uổng-phi ngày hôm nay. Vì giờ con học bài ngày hôm nay thì ngày mai con đã học thêm được một bài khác.

2. Việc làm mà cứ đề lần-lữa, nay đến mai, mai đến ngày kia, thì không bao giờ thành-tựu được. Con đừng tưởng hết hôm nay con lại có ngày mai, hết ngày mai con lại có ngày mai khác. Con phải nhớ ngày mai chỉ tươi sáng cho những ai đã làm việc xứng đáng với hôm nay.

3. Tuổi con một ngày một lớn, nếu con biếng nhác, bỏ phí thời-giờ thì mai sau tri con sẽ kém hèn, đời con sẽ vất-vả, lúc đó dẫu con có hối-hận cũng không kịp nữa.

MAI - SỢN

Phát âm : Thắm-thoát - thoáng - biếng nhác

Giải nghĩa : Bóng ngựa : người đời xưa vì thời - giờ đi mau như bóng ngựa trắng chạy qua kẻ hở.

Uổng-phi : mất toi, mất không.

Lần-lữa : dần-dà, hoãn lại mãi.

Thành-tựu : nên việc, xong việc.

Hối-hận : ăn-năn, buồn-rầu vì mình đã chót làm lần.

Phân đoạn :

1. — Thời-giờ trôi rất mau.

2. — Không nên lần-lữa trong việc làm.

5. — Ta không nên bỏ phí thời-giờ

Đặt ý :

Ta không nên bỏ phí thời-giờ vì ngày tháng qua rất mau và không bao giờ trở lại.

Câu hỏi : Ý - tưởng. — Thời - giờ đi mau vì như gì ?

Thời-giờ lảng - lảng trôi qua vì như gì ?

Hôm nay em không học bài, em sẽ đến mai mới học, em sẽ bị thiệt như thế nào ?

Tại sao không nên lần-lữa trong việc làm ?

Nhỏ mà biếng nhác, lớn sẽ ra sao ?

Lời văn : « Thoi » là cái gì ?

Tiếng « trôi » cho ta biết thời-giờ đi như thế nào ?

Phân-nghĩa với « vất-vả » là gì ?

Tìm câu tục-ngữ nói thời-giờ là quý.



96. Hè về

Hè về xuân vẫn còn vương,
 Phượng thi đưa nở, rặng đường về quê,
 Ve ca, réo gọi hè về,
 Lòng tôi sống dậy tràn-trề niềm vui,
 Bao nhiêu câu nói tiếng cười,
 Đó là hình-ảnh cuộc đời học-sinh,

Đẹp như ánh nắng bình-minh,
 Đẹp như hoa nở thêm tình quê-hương.
 Chiều nay trên khấp nẻo đường,
 Có đàn em nhỏ xa trường buồn ghé!
 Tôi ôn kỷ-niệm mùa hè,
 Lật trang sách cũ còn nghe tiếng thày.
 DUY-SIÊNG

Phát-âm : Tràn-trề — vương — phượng — niệm.

Giải nghĩa : Phượng : tên một loài cây thường nở hoa đỏ chói lúc vào hè.

Rặng : đồ chói.

Tràn-trề : chan chứa, tràn ngập.

Quê-hương : làng, nơi sinh-trưởng.

Kỷ-niệm : những điều ghi nhớ lại.

Đại-ý :

Hè về, học - sinh thấy rộn-ràng niềm vui nhưng tới hôm bãi trường, ai cũng bùi-ngùi luyến tiếc.

Câu hỏi :

Ý-tưởng. — Những gì báo-hiệu « hè đã về » ?

Cái gì là hình - ảnh của đời học - sinh ?

Hình-ảnh đó đẹp như gì ?

Chiều nay các em từ-giã trường về về đâu ?

Lật trang sách cũ, các em còn hình như nghe thấy gì ?

Lời văn : Tiếng gì ở đoạn đầu tả mùa Xuân vẫn chưa hết ?

Tiếng « réo » tả tiếng ve kêu thế nào ?

Phần - nghĩa với « bình-minh » là tiếng gì ?

Đàn em nhỏ ở đây là ai ?

Người Á-Rập và con lạc-đà

Một đêm kia có một người Á-Rập ngồi ở trong lều, còn con lạc-đà của hắn thì đứng bên ngoài. Gió thổi lạnh làm con lạc-đà rét run lập-cập.

Con lạc-đà khẽ chạm đầu vào cửa lều mà nói :
 « Lạy ông chủ, xin ông cho phép cháu được thò đầu vào trong vì ở ngoài này rét lắm. »

Người Á-Rập trả lời rất tử-tế : « Dĩ nhiên. »

Con lạc-đà liền thò đầu vào trong lều.

Con lạc-đà lại nói :

« Như thế này thì cái đầu cháu để chịu quá, nhưng cháu sẽ cảm thấy sung-sướng hơn nếu cái cổ cháu cũng được êm-ấm một chút. »

Chủ nó trả lời : « Được, cứ cho cổ vào. »

Con lạc-đà ngó chung quanh lều rồi nói :

« Nếu cháu được phép thò hai chân trước vào trong lều thì cũng chỉ chiếm một ít chỗ nữa là cùng. »

Người Á-Rập bảo : « Dĩ-nhiên chủ có thể bước lên và để hai chân trước vào trong lều. »

Vì chiếc lều rất nhỏ nên chàng Á-Rập phải nhích vào một chút để cho có chỗ.

Con lạc-đà hái lòng ; một lúc sau lại nói :

« Thưa ông chủ, cháu đứng kiêu này thành ra cửa lều bị mở, ông có trông thấy không ? Nếu cháu vào hẳn trong lều thì hơn nhĩ ? »

Người Á-Rập trả lời :

« Phải, phải, ta thương hại chủ đêm nay gió lạnh. Cứ vào hẳn trong lều này. »

Được chủ mời, con lạc-đà bảo :

« Ông có trông thấy ở đây không đủ chỗ cho cả hai chúng ta không ? Vì ông nhỏ tôi to nên phiền ông ra ngoài đứng thì hơn, như vậy tôi mới đủ chỗ đứng. »

Nói rồi, nó đẩy người Á-Rập ra ngoài đêm tối gió lạnh...

T. X.

Đại-ý :

Phải chống lại những thói xấu ngay từ đầu, nếu không, cuối cùng nó sẽ thắng.

Ngư-ông và biển cá

Một ông lão ra khơi đánh cá. Trọn đời ông, ông vẫn mơ ước là làm thế nào săn cho được một con cá to nhất, dữ nhất mà từ trước tới nay chưa ai hạ nổi. Một sáng kia, ông đã gặp con cá ấy, với những kinh-nghiệm già-dẫn về nghề chài lưới và tài phóng lao tuyết-diệu, ông lão đã dám trúng con cá. Nhưng đám trúng con cá chỉ là mới thực-hiện được đoạn đầu của sự thành-công. Chống-chọi với sức lói kéo vầy-vùng của con kinh-ngư, chống-chọi với cái đói khát, mệt-mỏi suốt ba ngày. Lạc-loài giữa đại-dương mờ mịt đề mang con cá vào bờ rồi lại phải chống-chọi với từng đàn cá mập đuổi theo cố « thịt » con kinh-ngư kia.

Quả-thực là một việc làm quá sức ông lão, nhưng ông lão đã đại-thắng, ông chiến-thắng con cá, ông thắng cả đau đớn đói khát mệt-mỏi lo-âu và đã mang con cá vào bờ. Sau khi vào đến bờ con cá ấy chỉ còn trơ lại cái đầu, một bộ xương và cái đuôi vĩ-dại. Nhưng điều đó có cần gì đối với ông lão ? Đàng kẻ chỉ là sự tranh-đấu và quyết-thắng. Con đường ông đi đã trọn, hơi sức của ông đã đem ra hết để chống-chọi với định-mệnh, với thiên-nhiên và luôn luôn tự-tin nơi tài sức của mình.

TÔ KIỀU-NGÂN

Đại-ý:

Với lòng tự-tín và quyết-thắng, ông lão đánh cá đã thành-công.



Nhân-dân Hoa-Kỳ
với sự hợp tác của
Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục
Việt-Nam Cộng-Hòa
thân tặng
các Trường Tiểu-học Việt-Nam

RSC69C100000

V9-01 (295)

SÁCH NÀY TẶNG KHÔNG BÁN